TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/DS-ST
Ngày: 19-4-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Hằng.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Dương Thị Mỹ Trân;
2. Ông Nguyễn Văn Thành.

Thư ký phiên tòa*:* Bà Phạm Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp VHI, xã VT, huyện C, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn N, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp VHI, xã VT, huyện C, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Vào ngày 07 tháng 03 năm 2016, bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Tấn N tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT vào ngày 03/03/2016. Thời gian chung sống hạnh phúc hơn 04 tháng đến tháng thứ 5 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà thường xuyên bị mẹ chồng chửi, nhục mạ; còn chồng bà thì đánh đập và đuổi bà về cha mẹ ruột sống. Từ khi bà về cha mẹ ruột sống thì ông N không hề trao đổi hàn gắn mà kêu bà làm đơn ly hôn đi ông sẽ ký, còn việc ông không lên Tòa là gì nguyên nhân dị đoan, chứ không phải là do ông không muốn ly hôn. Do đó, bà nhận thấy tình cảm giữa bà với chồng bà không còn, nên bà L yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Tấn N và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Gồm có một người con chung tên Nguyễn Tấn K - sinh ngày 14/5/2016 (hiện cháu K đang sống chung với bà L). Khi ly hôn, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền trực tiếp nuôi người con chung của ông bà và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Còn đối với bị đơn là ông N thì mặc dù nhiều lần đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng ông N vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đối với hôn nhân của bà L Và ông N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L vì từ khi Tòa thụ lý vụ án đã thông báo cho ông N biết, nhưng ông N không có ý kiến phản hồi, chứng tỏ ông N không muốn hàn gắn mà chấp nhận yêu cầu của bà L.

Về con chung: hiện cháu K vẫn còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ và hiện tại cháu K được bà L nuôi dưỡng và chăm sóc chu đáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của bà L là giao cháu K cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Tài sản và nợ chung: không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo qui định tại điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Tấn N tự nguyện tìm hiểu nhau, tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo đúng qui định nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Tuy nhiên, thời gian sống chung với nhau chỉ được 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, theo bà L thì cho rằng bà bị mẹ chồng và chồng chửi bới, nhục mạ, đánh đập và đuổi về nhà cha mẹ ruột làm cho cuộc sống hôn nhân của bà L và ông N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Kể từ khi ông bà sống ly thân, ông N không có điện thoại hay trao đổi gì với bà để hàn gắn, chứng tỏ tình cảm của ông bà đã có sự rạn nứt. Mặc khác, kể từ khi Tòa án thụ lý và tống đạt hợp lệ thông báo về việc thông lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì ông N vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến phản hồi, chứng tỏ ông N không mong muốn hàn gắn mà chấp

nhận yêu cầu ly hôn của bà L. Từ những cơ sở trên, cho thấy việc bà L xác định tình cảm vợ chồng của bà với ông N không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được là có căn cứ và phù hợp với qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền trực tiếp nuôi người con chung của ông bà và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc bà L yêu cầu nuôi con là có cơ sở, bởi lẽ từ khi bà với ông N sống ly thân thì bà L đã chăm sóc cho cháu K chu đáo. Mặc khác, cháu K vẫn còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ, nên việc giao cháu K cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng sẽ không làm xáo trộn cuộc sống của cháu và cũng phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa không đặt ra để xem xét. Còn việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con là nghĩa vụ của người làm cha, làm mẹ.

[3] Về tài sản và nợ chung: Bà L cho rằng trong quá trình sống chung thì bà với ông N không có tài sản và nợ chung, nên bà L không yêu cầu Tòa giải quyết. Vì vậy, Tòa không đặt ra để xem xét.

[4] Xét thấy, lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Theo qui định tại điểm a, khoản 1 Điều 24 và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo qui định của pháp luật là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, Điều 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28, 35 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim L.

Cụ thể tuyên:

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Tấn N. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Tòa không đặt ra để xem xét.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn K - sinh ngày 14/5/2016 cho bà Nguyễn Thị Kim L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung một hoặc cả

hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và về trẻ em hoặc Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Tòa không đặt ra để xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền bà L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0023753 ngày 02 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre được chuyển sang án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án ngày 19/4/2018, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT-TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS C;
- UBND xã VT;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ THÚY HẰNG